TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/ 2017
V/v ly hôn giữa chị T và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Duyên
Bà Nguyễn Thị Như Trang
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 14/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thụ lý số: 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vũ Thị Đoan T** sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; có mặt.
- *Bị đơn*: Anh **Phạm Ngọc H** sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Đoan T thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc H tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/4/2009. Sau khi kết hôn được khoảng 3 tháng, anh H trở lại Cộng hòa Séc làm ăn, còn chị lên Thành phố Thái Bình làm công nhân. Tháng 12/2009 chị sinh con. Chị phải tự mình lao động kiếm tiền nuôi con, anh H chỉ có khoảng 1-2 lần gửi tiền cho con nhưng không đáng là bao nên cuộc sống của mẹ con chị rất khó khăn, chủ yếu nhờ vào sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ chị. Tháng 7/2014, chị tự quyết định đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản để có thu nhập để tự lo cuộc sống của mẹ con chị. Chị gửi con cho bố mẹ đẻ chăm sóc và thường xuyên gửi tiền cho ông bà để chăm lo cho con nhưng anh H vẫn không có trách nhiệm gì với con. Từ khi sang Nhật, vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau vì anh H đã giao hẹn với chị là nếu chị đi Nhật coi như hai vợ chồng không liên quan gì đến nhau. Năm 2016, anh H về nước và sinh sống cùng bố mẹ anh tại xã A.

Tháng 7/2017 chị về nước và sinh sống cùng bố mẹ chị và con chị tại xã T. Chị và anh H đã gặp nhau bàn chuyện ly hôn, anh H đã thuận tình ly hôn và thỏa thuận giao con cho chị nuôi nhưng với điều kiện chị phải viết vào đơn thuận tình ly hôn là nếu sau khi ly hôn chị trở lại Nhật làm việc thì phải giao lại con cho anh H nuôi nên chị không đồng ý. Chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Phạm Gia K sinh ngày 10/12/2009, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung.

***** Theo biên bản tự khai ngày 13/10/2017 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời khai của chị T về thơi gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, về nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; về con chung và tài sản chung là đúng sự thực. Anh cũng xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau, anh nhất trí ly hôn. Anh yêu cầu Tòa án giao cháu K cho anh trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu chị T góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện một phần quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị Đoan T và anh Phạm Ngọc H được ly hôn. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia K sinh ngày 10/12/2009 cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T và anh H đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã A, huyện Kiến Xương ngày 10/04/2019 - đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Lời khai của các đương sự cũng như kết quả xác minh cho thấy: Quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do điều kiện sinh sống và làm việc của vợ chồng xa cách, anh H sau khi cưới được thời gian ngắn đã sang Cộng hòa Séc làm ăn sinh sống đến năm 2016 mới về nước, chị T chủ yếu sinh sống với bố mẹ đẻ chị rồi đến tháng 7/2014 cũng đã đi xuất khẩu lao dộng tại Nhật Bản đến tháng 7/2017 hết hợp đồng lao động, trở lại Việt Nam làm việc; việc chị T đi xuất khẩu lao động không được sự đồng ý của anh H nên giữa vợ chồng đã có những khúc mắc, đã làm cho tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Mặc dù đã trở về Việt Nam nhưng chị T, anh H không trở lại

đoàn tụ, chị T yêu cầu ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng cả hai bên đều xác định không còn tình cảm anh H cũng đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Phạm Gia K sinh ngày 10/12/2009. Chị T và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và đều chứng minh mình có công việc và thu nhập ổn định nhưng nguyện vọng của cháu K là muốn trực tiếp ở với mẹ cháu. Kết quả xác minh cho thấy, từ khi sinh ra đến nay, cháu K vẫn ở cùng với mẹ và ông bà ngoại tại xã T, huyện Kiến Xương, cháu được gia đình chăm sóc rất tốt và hiện tại chị T vẫn có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, nên cần giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị T không yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con nên được chấp nhận. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H đều khai, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thực.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Đoan T và anh Phạm Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia K sinh ngày 10/12/2009 cho chị T trực tiếp nuôi, chị T không yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung

3. Về tài sản chung: Chị T và anh H không có tài sản chung và nợ chung

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000824 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/12/2017./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh